

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

Số: 69 /QĐ-THADS

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi quyết định về thi hành án

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ khoản 1 Điều 23, điểm c, d khoản 1 Điều 37 và khoản 2, 3, 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 15 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Bản án số 259/2025/HS-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 504/2024/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 299/2025/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 310/2025/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 360/TATP.THS ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 365/2025/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung số 451/2025/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2025 cùng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3699/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án số 10/QĐ-THADS ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 06/QĐ-THADS ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi một phần Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3699/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung thu hồi: *(Danh sách kèm theo).*

Hậu quả pháp lý của việc thu hồi: một phần Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3699/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh bị thu hồi nêu trên, không còn hiệu lực pháp luật, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thi hành án mới tương ứng với quyền và nghĩa vụ thi hành án được chuyển giao theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*MM*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - VKSND TP. HCM;
 - Kế toán nghiệp vụ;
 - Cổng Thông tin điện tử - Bộ Tư pháp;
 - Cổng Thông tin điện tử - Cục QLTHADS;
 - Trang TTĐT THADS TP.HCM;
 - Lưu: VT, HSTHA (15b).
- (CHV Hữu Phước)



TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ /*h*

Nguyễn Văn Hòa

DANH SÁCH ĐƯƠNG SỰ

(Kèm theo Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án số 69 /QĐ-THADS ngày 07/8/2025 của THADS Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
1	13542	BÙI THỊ TÂN	45B NGUYỄN CHÍ THANH P GIẢNG VÕ Q BA ĐÌNH TP HÀ NỘI VN	ADC-2018.09	6.298	629.800.000	Phan Thị Hoa
2	14877	NGUYỄN THỊ BÔNG	183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	ADC-2018.09	1.948	194.800.000	Phan Thị Hoa
3	14.111	VŨ THỊ CHUNG	16 TẦNG BÁT HỘ P PHẠM ĐÌNH HỒ Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI	ADC-2018.09	2.448	244.800.000	Phan Thị Hoa
4	5065	NGUYỄN THỊ TUYẾT THANH	58/20 NGUYỄN THÀNH HẸN, ĐÀ NẴNG	ADC-2018.09	4.660	466.000.000	Dương Văn Duy
5	5283	HUỶNH THỊ MINH	K27/4 THÁI PHIÊN, PHƯỚC NINH, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	ADC-2018.09	10.424	1.042.400.000	Dương Văn Duy
6	5628	A MUÔI	59/16 THUẬN KIỀU, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ADC-2018.09	4.882	488.200.000	Dương Văn Duy
7	5735	NGÔ QUANG THỰC	32/72 LÊ TỰ TÀI, PHƯỜNG 4, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM	ADC-2018.09	10.669	1.066.900.000	Dương Văn Duy
8	6955	HOÀNG THỊ BAN	412, A1 THÀNH CÔNG, BA ĐÌNH, HÀ NỘI	ADC-2018.09	12.484	1.248.400.000	Dương Văn Duy
9	7221	VŨ ĐÌNH SINH	41 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP.HCM	ADC-2018.09	3.915	391.500.000	Dương Văn Duy
10	6620	TRƯƠNG THỊ LỆ HÀ	SỐ 8/38/47 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG	ADC-2018.09	8.661	866.100.000	Dương Văn Duy
11	2718	VŨ THỊ DIỆP TRANG	Tổ 79, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	ADC -2018.09	3.820	382.000.000	Hoàng Văn Toàn
12	2865	NGUYỄN ĐỨC TÌNH	98/31 Y Wang, Phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	ADC -2018.09	2.943	294.300.000	Hoàng Văn Toàn
13	3544	NGUYỄN VŨ TIẾN	233/26 Quốc Lộ 1, Phường 4, TP. Tân An, Long An	ADC -2018.09	13.384	1.338.400.000	Hoàng Văn Toàn
14	3818	NGUYỄN TIẾN AN	157 Tổ 28A đường Hoàng Mai, Hà Nội	ADC -2018.09	1.984	198.400.000	Hoàng Văn Toàn
15	4008	MAI KHẢ LƯ	11 TT Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ADC -2018.09	4.979	497.900.000	Hoàng Văn Toàn
16	4199	ĐÀO ANH ĐÀO	P401-C17, Thanh Xuân Bắc, TP. Hà Nội	ADC -2018.09	3.070	307.000.000	Hoàng Văn Toàn
17	4293	VŨ THÁI SƠN	255/9 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, TP Hồ Chí Minh	ADC -2018.09	3.366	336.600.000	Hoàng Văn Toàn
18	4386	TRẦN THỊ PHÚC THÀNH	105 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh	ADC -2018.09	21.150	2.115.000.000	Hoàng Văn Toàn

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
19	4410	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	210 Lê Duẩn, phường Đập Đá, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	ADC -2018.09	4.800	480.000.000	Hoàng Văn Toàn
20	4584	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	Tổ 19, Bình Lục, Tân Bình, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	ADC -2018.09	4.004	400.400.000	Hoàng Văn Toàn
21	4622	TRẦN THỊ MAI	141/30 Tiểu La, Hải Châu, Đà Nẵng	ADC -2018.09	51.764	5.176.400.000	Hoàng Văn Toàn
22	4630	LÊ VĂN THƠM	22 Ngõ Thị Liễu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng	ADC -2018.09	11.250	1.125.000.000	Hoàng Văn Toàn
23	7679	TRẦN THỊ BÍCH PHƯỢNG	417/95/75 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 10, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM	ADC 2018.09	4.966	496.600.000	Nguyễn Hoàng Lộ
24	7692	TRẦN KÊ MINH	114/18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P.3, Q.PHÚ NHUẬN, TP.HCM	ADC 2018.09	1.921	192.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ
25	8226	TRẦN THÀNH THẠO	36 ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH AN, TP. THỦ ĐỨC, TP.HCM	ADC 2018.09	3.887	388.700.000	Nguyễn Hoàng Lộ
26	8152	CHU VĂN TOÀN	PHỐ 9 QUẢNG THẮNG TP THANH HÓA	ADC 2018.09	9.931	993.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ
27	8734	LÊ THỊ HỒNG TÝ	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VỘNG, ĐỒNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, TP.HÀ NỘI	ADC 2018.09	5.644	564.400.000	Nguyễn Hoàng Lộ
28	9387	TRẦN ĐÌNH BÔNG	SỐ 33 ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP.HCM, VIỆT NAM	ADC 2018.09	2.701	270.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ
29	9571	NGUYỄN THỊ HẠC	6/18 DIỄN HỒNG P.1 Q.BÌNH THẠNH TP.HỒ CHÍ MINH	ADC 2018.09	2.045	204.500.000	Nguyễn Hoàng Lộ
30	7813	ĐẶNG THỊ CÚC	68/15 HÈM 766 CÁCH MẠNG THẮNG 8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP.HCM	ADC 2018.09	1.928	192.800.000	Nguyễn Hoàng Lộ
31	7610	CHÁU THÀNH TÍN	664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP. HCM	ADC 2018.09	5.939	593.900.000	Nguyễn Hoàng Lộ
32	8619	ĐẶNG THỊ LÝ	B1606 TẦNG 17 CHUNG CƯ 21 TẦNG, PHƯỜNG 7, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	ADC 2018.09	9.018	901.800.000	Nguyễn Hoàng Lộ
33	8052	NGUYỄN ANH TUẤN	KHU D TẬP THỂ NGÂN HÀNG, NGÕ QUAN THỎ 1 P HÀNG BỘT Q ĐỒNG ĐA TP HÀ NỘI	ADC 2018.09	3.472	347.200.000	Nguyễn Hoàng Lộ
34	10423	LÊ THỊ HIỀN HẬU	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP.HCM	ADC-2018.09	1.957	195.700.000,00	Dương Ngọc Thảo
35	10636	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	SỐ 3 NGÁCH 31/34 PHỐ LỤA, P VẠN PHÚC, Q HÀ ĐÔNG, TP HÀ NỘI	ADC-2018.09	3.539	353.900.000	Dương Ngọc Thảo
36	10968	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	79/1 LÊ HỒNG PHONG, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	ADC-2018.09	4.791	479.100.000	Dương Ngọc Thảo
37	12193	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	176 HÈM 6 TRẦN HƯNG ĐẠO, MỸ XUYỀN, TP.LONG XUYỀN, AN GIANG	ADC-2018.09	1.950	195.000.000	Dương Ngọc Thảo
38	16415	NGUYỄN VĂN THẮNG	HÙNG MỸ, CÁT HƯNG, PHÙ CÁT, BÌNH ĐỊNH	ADC-2018.09	2.501	250.100.000	Ngô Minh Thuận

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
39	17242	NGUYỄN THỊ DANH	199/26 PHAN BỘI CHÂU, TRẦN HƯNG ĐẠO, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH	ADC-2018.09	2.778	277.800.000	Ngô Minh Thuận
40	15860	CAO THỊ KIỀU ANH	656 XA LỘ HẢ NỘI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, TP.HCM	ADC-2018.09	5.781	578.100.000	Ngô Minh Thuận
41	16475	DIỆP THỊ BẠCH HUỆ	116, THANH THUẬN P PHÚ THÚ Q CÁI RĂNG TP CẦN THƠ	ADC-2018.09	3.000	300.000.000	Ngô Minh Thuận
42	1741	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Xóm Trung Tiến, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh nghệ An	ADC 2018.09	5.000	500.000.000	Nguyễn Quang Thái
43	784	NGUYỄN VĂN XƯƠNG	270 Bạch Mai, Cầu Dền, Hai bà Trung, Hà Nội	ADC 2018.09	2.961	296.100.000	Nguyễn Quang Thái
44	2373	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	1462/24 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	ADC 2018.09	8.458	845.800.000	Nguyễn Quang Thái
45	459	PHẠM THỊ HIỀN	9A8, Khu dân cư An Bình, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	ADC 2018.09	4.324	432.400.000	Nguyễn Quang Thái
46	131	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 Gò Công, phường 13, Quận 5	ADC 2018.09	4.910	491.000.000	Nguyễn Quang Thái
47	631	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu	ADC 2018.09	7.169	716.900.000	Nguyễn Quang Thái
48	733	NGUYỄN VIỆT THẮNG	18Bis/K Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	2000	200.000.000	Nguyễn Quang Thái
49	1148	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	6498	649.800.000	Nguyễn Quang Thái
50	1249	LÊ ĐĂNG ĐÁNH	88 Hồ Bá Kiện, phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	5868	586.800.000	Nguyễn Quang Thái
51	1600	TRẦN QUANG DŨNG	149/15B Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09	4095	409.500.000	Nguyễn Quang Thái
52	1620	BÙI TÁ KÝ	441 Tôn Đức Thắng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	ADC-2018.09	32113	3.211.300.000	Nguyễn Quang Thái
53	1701	TRẦN THỊ LAN ANH	Tổ 39, Thượng Đình. Thanh Xuân, Hà Nội	ADC-2018.09	2775	275.500.000	Nguyễn Quang Thái
54	1746	PHẠM VĂN THÀNH	Số 56A Trần Phú, Ngô Quyền. Hải Phòng	ADC-2018.09	7002	700.200.000	Nguyễn Quang Thái
55	1981	HỒ THỊ DUNG	44/10 Tân Hưng, phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09	6662	666.200.000	Nguyễn Quang Thái
56	2315	BÙI THỊ OANH	58/2 Tam Bạc, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Thành phố Hải phòng	ADC-2018.09	1946	194.600.000	Nguyễn Quang Thái
57	580	TRẦN LÊ ĐÔNG	81/22 Thùy Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	ADC-2018.09	4000	400.000.000	Nguyễn Quang Thái
58	503	NGUYỄN GIANG	Số 11, ngõ 46, Quan Nhân, trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ADC-2018.09	7930	793.000.000	Nguyễn Quang Thái

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
59	452	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	15/5 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1	ADC-2018.09	8.892	889.200.000	Nguyễn Quang Thái
60	87	TẠ THỊ KIM THANH	Số 80 Trần Phú, phường 4, Quận 5	ADC-2018.09	10.000	1.000.000.000	Nguyễn Quang Thái
61	240	LÝ PHƯỚC SANH	518/B34, Lô B, Tầng 4, Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, TP.hCM	ADC-2018.09	1.990	199.000.000	Nguyễn Quang Thái
62	1376	NGUYỄN THỊ HOAN	Số 11B phố Đà Nẵng, Ngõ Quyển, Hải phòng	ADC-2018.09	9.710	971.000.000	Nguyễn Quang Thái
63	1001	ĐOÀN XUÂN TRÚC	136 C4 tổ 10 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC-2018.09	1.965	196.500.000	Nguyễn Quang Thái
64	11.428	LÊ THỊ MẪU	32-G4 KHU TTTM, PHƯỜNG 7, VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	ADC-2019.01	2.460	246.000.000	Nguyễn Thị Miên
65	11.436	VÕ THỊ NHẬT PHƯƠNG	123 ĐỒ NGỌC THANH PHƯỜNG 12 QUẬN 5 TPHCM	ADC-2019.01	9.685	968.500.000	Nguyễn Thị Miên
66	11.467	ÂU HÀ NỮ	168/32 TÂN THÀNH, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, HCM	ADC-2019.01	7.687	768.700.000	Nguyễn Thị Miên
67	12.034	NGUYỄN THỊ ĐƯỜNG	2/36 CAO THẮNG, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TPHCM	ADC-2019.01	9.670	967.000.000	Nguyễn Thị Miên
68	12.703	VĨNH LONG	K9/1 PHAN THANH,P THẠC GIẢN,Q THANH KHÊ,TP ĐÀ NẴNG	ADC-2019.01	1.941	194.100.000	Nguyễn Thị Miên
69	12405	DƯƠNG THỊ NAM HÀ	4/1 Đường số 3, Phường 5, Gò Vấp, TP HCM	ADC-2019.01	4.834	483.400.000	Nguyễn Thị Miên
70	872147	NGUYỄN VĂN ANH	15 Dân Chủ, Khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	ADC-2019.01	4.834	483.400.000	Nguyễn Thị Miên
71	874543	NGUYỄN THỊ BÔNG	183B/25/22 TÔN THẮT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	ADC-2019.01	1.984	198.400.000	Nguyễn Thị Miên
72	871116	PHÙNG THỊ ĐỨC	1A K1 N/M CK TRẦN HƯNG ĐẠO, ĐÔNG NHÃN, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	ADC-2019.01	2.187	218.700.000	Nguyễn Thị Miên
73	85	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 GÒ CÔNG, P13, Q5, TPHCM	ADC-2019.01	23.661	2.366.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
74	140	LÝ PHƯỚC SANH	B34 LÔ B, T.4 BẾN CHUÔNG DƯƠNG, P CẦU KHO, Q1, TP HCM	ADC-2019.01	6.000	600.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
75	142	PHẠM THỊ BẠCH PHƯƠNG	131/3 TÔN ĐẢN P14 Q4 HCM	ADC-2019.01	3.100	310.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
76	369	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	ADC-2019.01	10.935	1.093.500.000	ĐẶNG SONG TOÀN
77	443	NGUYỄN VĂN XƯƠNG	207 BẠCH MAI, PHƯỜNG BẠCH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	ADC-2019.01	2.491	249.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
78	486	NGÔ THỊ THƠ	59 BẠCH ĐĂNG, NHA TRANG	ADC-2019.01	5.819	581.900.000	ĐẶNG SONG TOÀN

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
79	698	LÊ ĐĂNG ĐÁNH	88 HỒ BÀ KIẾN, P.15, Q.10, TP. HCM	ADC-2019.01	3.910	391.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
80	724	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY	SỐ 7 PHỐ BÁT SỬ HÀ NỘI	ADC-2019.01	2.871	287.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
81	934	BÙI TẢ KÝ	SỐ 441 TÔN ĐỨC THẮNG, HUYỆN AN DƯƠNG, TP.HẢI PHÒNG	ADC-2019.01	10.757	1.075.700.000	ĐẶNG SONG TOÀN
82	1006	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Phường Lê Lợi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	ADC-2019.01	29.000	2.900.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
83	1010	PHẠM VĂN THÀNH	SỐ 56A TRẦN PHÚ, NGÕ QUYỀN, HẢI PHÒNG	ADC-2019.01	2.212	221.200.000	ĐẶNG SONG TOÀN
84	1352	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	65B4, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG PHÚ KHƯƠNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	ADC-2019.01	5.650	565.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
85	1394	VŨ MAI TRANG	22 NGÁCH 2/I VŨ THANH Ô CHỢ DỪA, ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI	ADC-2019.01	12.823	1.282.300.000	ĐẶNG SONG TOÀN
86	1415	NGUYỄN THỊ HẠNH	83/27 TÔN ĐẢN P14 Q4 TP HCM	ADC-2019.01	9.910	991.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
87	1631	NGUYỄN ĐỨC TÌNH	98/31 Y WANG, P. EA TAM, TP. BUỒN MA THUỘT, ĐẮK LẮK	ADC-2019.01	1.970	197.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
88	1764	BÙI DUY MƯỜI	TỔ 8, KHU 8, HỒNG HẢI, HẠ LONG, QUẢNG NINH	ADC-2019.01	8.706	870.600.000	ĐẶNG SONG TOÀN
89	1844	NGUYỄN THỊ BÍCH NHỊ	89A1, XÃ SƠN ĐỒNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	ADC-2019.01	4.784	478.400.000	ĐẶNG SONG TOÀN
90	1850	PHẠM THỊ THU HÀ	T.4, K.2A, HỒNG HẢI, HẠ LONG, QUẢNG NINH	ADC-2019.01	11.930	1.193.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
91	1946	VƯƠNG HOÀNG NAM	SỐ 147, LÊ LỢI, KHÔM 1, PHƯỜNG 3, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH	ADC-2019.01	5.000	500.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
92	2006	ĐẶNG KIM PHƯỢNG	2E/2 ĐƯỜNG 34 KHU DÂN CƯ BÌNH PHÚ, P10, Q6, TP HCM	ADC-2019.01	5.776	577.600.000	ĐẶNG SONG TOÀN
93	5.802	LÊ THỊ BẢO	284/38 CÔ BẮC, PHƯỜNG CÔ GIANG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH	ADC-2019.01	9.668	966.800.000	Vũ Quốc Hải Đường
94	5.831	LƯƠNG THỊ GÁI	122/4 QUANG TRUNG, P. THẠCH THANG, Q. HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	ADC-2019.01	2.142	214.200.000	Vũ Quốc Hải Đường
95	6.053	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	TỔ 15, KHU 1, P BẠCH ĐĂNG, TP HẠ LONG, T QUẢNG NINH	ADC-2019.01	11.135	1.113.500.000	Vũ Quốc Hải Đường
96	6.469	TRẦN NGỌC	350 HAI BÀ TRUNG, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, TPHCM	ADC-2019.01	4.755	475.500.000	Vũ Quốc Hải Đường
97	6.649	MAI THỊ THỌ	30B/122 ĐÌNH ĐÔNG, ĐÔNG HẢI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG	ADC-2019.01	2.389	238.900.000	Vũ Quốc Hải Đường
98	7.039	NGUYỄN BÁ NHÂN	7/12 NGUYỄN VĂN BÉ, P1, TP VINH LONG	ADC-2019.01	3.575	357.500.000	Vũ Quốc Hải Đường

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
99	6.934	ĐẶNG THỊ CÚC	68/15 HỀM 766 CÁCH MẠNG THẮNG 8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM	ADC-2019.01	2.003	200.300.000	Vũ Quốc Hải Đường
100	7501	LÊ THỊ HỒNG TỶ	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VỘNG, ĐỒNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	ADC 2019.01	5.924	592.400.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
101	8246	TRƯƠNG THỊ DIỄM	K183/24 TÔ HIỆU - P HÒA MINH - Q LIÊN CHIỂU - ĐÀ NẴNG	ADC 2019.01	2.464	246.400.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
102	8825	PHẠM THỊ CÚC	TỔ 1, KHU 5, HỒNG HẢI, HẠ LONG, QUẢNG NINH	ADC 2019.01	4.428	442.800.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
103	9066	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	13 VI BA, PHƯỜNG 1, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.	ADC 2019.01	7.060	706.000.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
104	9273	NGUYỄN VĂN TUYẾT	P603 TẦNG 6 HOÀNG CẦU, Ô CHỢ DỪA, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI	ADC 2019.01	5.972	597.200.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
105	7418	ĐẶNG THỊ LÝ	B1606 TẦNG 17 CHUNG CƯ 21 TẦNG, PHƯỜNG 7, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	ADC 2019.01	6.668	666.800.000	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo
106	6717	CHÂU THÀNH TÍN	664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P3, QUẬN 3, TP. HCM	ADC - 2019.01	13.851	1.385.100.000	Vũ Quốc Hải Đường
107	9934	PHAN THỊ HÀ	22/9 BÌNH DƯƠNG 2, P AN BÌNH, TP DĨ AN, BÌNH DƯƠNG	ADC - 2019.01	2.995	299.500.000	Lưu Khánh Đường
108	9374	VÕ THỊ OANH	26 BIỆT THỰ, P LỘC THỌ, TP NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HOÀ	ADC - 2019.01	2.970	297.000.000	LƯU KHÁNH ĐƯỜNG
109	4172	NGUYỄN THỊ HIẾU	5 ngách 191A/38 Đại La, Hai Bà Trung, Hà Nội	ADC-2019.01	2.288	228800000	Nguyễn Như Hà
110	4392	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	Tổ 19, Bình Lục, Tân bình, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	ADC-2019.01	7.878	787800000	Nguyễn Như Hà
111	4409	TRƯƠNG VĂN CUNG	116/B3 Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	ADC-2019.01	1.981	198100000	Nguyễn Như Hà
112	4440	TRẦN THỊ MAI	Tổ 38, Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	ADC-2019.01	6.045	604500000	Nguyễn Như Hà
113	4243	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	2/11 KP Thắng Lợi 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, Bình Dương	ADC-2019.01	1.987	198700000	Nguyễn Như Hà
114	5037	NGÔ QUANG THỰC	Phường 04, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2019.01	2.908	290800000	Nguyễn Như Hà
115	2712	LÝ NĂNG MẪN	18 TRẦN QUANG DIỆU - PHƯỜNG AN HẢI TÂY - QUẬN SƠN TRÁ - ĐÀ NẴNG	ADC 2019.01	2.280	228.000.000	Trần Ngọc Lan
116	2208	LÊ VĂN SANG	604 NGUYỄN SINH SẮC, AN HÒA, TP. SA ĐÉC, ĐỒNG THÁP	ADC 2019.01	1.999	199.900.000	Trần Ngọc Lan
117	2503	TRẦN MINH SƠN	TỔ 10 VĨNH HƯNG-HOÀNG MAI-HÀ NỘI	ADC 2019.01	8.393	839.300.000	Trần Ngọc Lan
118	8825	MAI KHẢ LƯ	TẬP THỂ 11, CHUÔNG DƯƠNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	ADC 2019.01	4.971	497.100.000	Trần Ngọc Lan

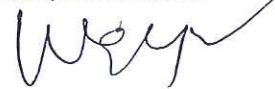
STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
119	4042	GIANG MINH TƯỜNG	385/83/18 LÊ VĂN THỌ, PHƯỜNG 9, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH	ADC 2019.01	5.853	585.300.000	Trần Ngọc Lan
120	3349	LÊ VĂN CHÉN	TỔ 13, ÁP HÙNG THANH, ĐÀO HỮU CẢNH, CHÂU PHÚ , AN GIANG	ADC 2019.01	7.757	775.700.000	Trần Ngọc Lan
121	3971	VŨ THÁI SƠN	255/9 PHẠM VĂN CHÍ PHƯỜNG 3 QUẬN 6 TPHCM	ADC 2019.01	2.598	259.800.000	Trần Ngọc Lan
122	3371	VŨ THỊ MY	SỐ 3 NGUYỄN ÁI QUỐC, P.TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	ADC 2019.01	75.160	7.516.000.000	Trần Ngọc Lan
123	2802	NGUYỄN VŨ TIỀN	233/26 QUỐC LỘ 1, PHƯỜNG 4, TP TÂN AN, LONG AN	ADC 2019.01	11.522	1.152.200.000	Trần Ngọc Lan
124	2984	LÂM NGỌC THỦY	38/6B TRUNG LÂN, BÀ ĐIỂM, HÓC MÔN, TP HCM	ADC 2019.01	2.787	278.700.000	Trần Ngọc Lan
125	2340	VÕ ĐÌNH ĐỆ	400 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 04 QUẬN 5 TP HCM	ADC 2019.01	1.995	199.500.000	Trần Ngọc Lan
126	3257	NGUYỄN TIỀN AN	157 TỔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAI-HÀ NỘI	ADC 2019.01	1.980	198.000.000	Trần Ngọc Lan
127	3159	NGUYỄN VĂN THUẬN	THÔN QUÝ DƯƠNG, XÃ TÂN TRƯỜNG, HUYỆN CẨM GIANG, HẢI DƯƠNG	ADC 2019.01	1.984	198.400.000	Trần Ngọc Lan
128	3905	ĐÀO ANH ĐÀO	P401 C17 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC 2019.01	1.948	194.800.000	Trần Ngọc Lan
129	3425	NGUYỄN THỊ HẢO	131 T361, VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	ADC 2019.01	4.984	498.400.000	Trần Ngọc Lan
130	3937	NGUYỄN THỊ MÃO	SỐ 28B KHU A NGÕ 109 TRƯỜNG CHINH - PHƯỜNG LIỆT - THANH XUÂN - HÀ NỘI	ADC 2019.01	9.002	900.200.000	Trần Ngọc Lan
131	13673	PHƯƠNG HOÀNG NGHĨA	74 NGUYỄN BIỂU, P.01, Q. 5, TPHCM	ADC-2019.01	4.790	479.000.000	Nguyễn Hữu Phước
132	13810	NGUYỄN THỊ SƠN QUỲNH	TỔ 25, K3, PHƯỜNG 6, TP CAO LÃNH T ĐỒNG THÁP VIỆT NAM	ADC-2019.01	3.827	382.700.000	Nguyễn Hữu Phước
133	14265	HÀ VĂN ĐƯỜNG	ẤP AN QUỐI, XÃ QUỐI AN, H VŨNG LIÊM, T VĨNH LONG	ADC-2019.01	5.985	598.500.000	Nguyễn Hữu Phước
134	14342	CAO THỊ KIỀU ANH	656 XA LỘ HÀ NỘI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC. TPHCM	ADC-2019.01	3.973	397.300.000	Nguyễn Hữu Phước
135	15201	VÕ ĐÌNH TRỰC	KV3, P.NHƠN BÌNH, TP QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	ADC-2019.01	1.971	197.100.000	Nguyễn Hữu Phước
136	342	PHẠM VĂN THÀNH	Số 56A Trần Phú, Ngõ Quyền, Hải Phòng	ADC-2018.09.1	2,516	251.600.000	Nguyễn Thị Lương
137	417	TRẦN BẢO NINH	97 Nguyễn Khuyến, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	5.923	592.300.000	Nguyễn Thị Lương
138	475	BÙI THỊ OANH	Số 58, Góc 2, Tam Bạc, Hải Phòng	ADC-2018.09.1	4.953	495.300.000	Nguyễn Thị Lương

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
139	520	NGUYỄN THỊ HẠNH	83/27 Tôn Đức, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	24,735	2.473.500.000	Nguyễn Thị Lương
140	788	TRẦN MINH SƠN	Tổ 10 Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội	ADC-2018.09.1	4.305	430.500.000	Nguyễn Thị Lương
141	964	LÊ VĂN CHÉN	Tổ 13, ấp Hưng Thạnh, Đảo Hữu Cánh, Châu Phú, An Giang	ADC-2018.09.1	3,954	395.400.000	Nguyễn Thị Lương
142	1087	NGUYỄN THỊ MÃO	28B Khu A ngõ 109 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	ADC-2018.09.1	1.970	197.000.000	Nguyễn Thị Lương
143	1172	TRẦN THỊ MAI	141/30 Tiểu La, Hải Châu, Đà Nẵng	ADC-2018.09.1	4.095	409.500.000	Nguyễn Thị Lương
144	2123	LÊ TIẾN SƠN	Phường Đập Đá, Thị Xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	SET. H2025	1.930	193.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
145	1884	NGUYỄN VĂN ANH	15 Dân Chủ 1, KP1, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	15.614	1.561.400.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
146	2112	DƯƠNG MẠNH DŨNG	Khu Hồ Ngọc Lân, Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh. Tỉnh Bắc Ninh	SET. H2025	3.860	386.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
147	1547	ĐÀO HUY ĐÔN	449 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	6.653	665.300.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
148	1637	THÁI THỊ VÂN	65/20 Trần Văn Dư, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	15.104	1.510.400.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
149	1448	KIỀU THỊ MAI	Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	SET. H2025	4.889	488.900.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
150	1.709	ĐOÀN THỊ CHÂM	TDP TÂN XUÂN 3 - XUÂN ĐÌNH - BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI	QT-2018.12.1	4.756	475.600.000	Thái Xuân Sơn
151	2.450	HÀ VĂN ĐƯỜNG	ẤP AN QUỐI, XÃ QUỐI AN, H VÙNG LIÊM, T VĨNH LONG	QT-2018.12.1	11.920	1.192.000.000	Thái Xuân Sơn
152	1.383	NGUYỄN VĂN THẾ	THỊ CẦU - BẮC NINH - BẮC NINH	QT-2018.12.1	1.945	194.500.000	Thái Xuân Sơn
153	2.194	NGUYỄN VĂN LIÊN	465/40 NGUYỄN VĂN CÔNG PHƯỜNG 3 Q GÒ VẤP TPHCM	QT-2018.12.1	4.778	477.800.000	Thái Xuân Sơn
154	2500	TRẦN KÊ MINH	114/18 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, P.3, Q. PHÚ NHUẬN, TP.HCM	ADC-2018.09.1	3.934	393.400.000	Nguyễn Huỳnh Như
155	2836	NGUYỄN QUỐC TRUNG	48 YÊN THẾ, PHƯỜNG 2 QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ADC-2018.09.1	1.998	199.800.000	Nguyễn Huỳnh Như
156	3007	PHẠM THỊ NGUYỆT	SỐ 7/42 ĐIỆN BIÊN PHŨ, MINH KHAI, HỒNG BÀNG, HẢI PHÒNG	ADC-2018.09.1	4.445	444.500.000	Nguyễn Huỳnh Như
157	3379	LÊ THỊ HIỀN HẬU	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP.HCM	ADC-2018.09.1	2.996	299.600.000	Nguyễn Huỳnh Như
158	2495	VÕ THỊ THANG	30 ĐÔNG PHƯỚC PHƯỚC LONG NHA TRANG KHÁNH HÒA	ADC-2018.09.1	3.906	390.600.000	Nguyễn Huỳnh Như

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
159	63	NGUYỄN VIỆT THẮNG	169 Lương Định Của, KP 3, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, TP.HCM	QT-2018.12.1	14.432	1.443.200.000	Trần Thanh Thương
160	104	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 Cống Quỳnh, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	QT-2018.12.1	2.902	290.200.000	Trần Thanh Thương
161	28	PHẠM THỊ BẠCH PHƯƠNG	131/3 TÔN ĐẢN P14 Q4 HCM	QT-2018.12.1	2.756	275.600.000	Trần Thanh Thương
162	448	MAI KHẢ LƯ	TẬP THỂ 11, CHUÔNG DỪNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	QT-2018.12.1	9.813	981.300.000	Trần Thanh Thương
163	317	HỒ TÂN PHƯƠNG	THÔN CẨM VĂN TÂY, XÃ ĐIỆN HỒNG, TX ĐIỆN BÀN, T QUẢNG NAM	QT-2018.12.1	3.936	393.600.000	Trần Thanh Thương
164	447	LÊ VĂN BA	XUÂN BẮC, PHƯỜNG HUNG DỪNG, TP VINH, NGHỆ AN	QT-2018.12.1	5.583	558.300.000	Trần Thanh Thương
165	541	LÊ VĂN THOM	22 NGÔ THỊ LIÊU - P HÒA CƯỜNG BẮC - Q HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG	QT-2018.12.1	1.963	196.300.000	Trần Thanh Thương
166	539	TRẦN THỊ MAI	141/30 TIỂU LA, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	QT-2018.12.1	6.954	695.400.000	Trần Thanh Thương
167	974	TRẦN THỊ NHUNG	398 Đường Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	QT-2018.12.1	13.106	1.310.600.000	Trần Thanh Thương
168	148	BÙI TÁ KÝ	441 Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng	QT-2018.12.1	5.500	550.000.000	Trần Thanh Thương
169	788	VŨ ĐÌNH SINH	7/134/55 Liên Khu 5-6, KP 9, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM	QT-2018.12.1	2.950	295.000.000	Trần Thanh Thương
170	1238	TRẦN THANH THẠO	36 ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH AN, QUẬN 2, TPHCM	QT-2018.12.1	29.358	2.935.800.000	Trần Thanh Thương
171	408	VŨ THỊ MY	SỐ 3 NGUYỄN ÁI QUỐC, P.TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	QT-2018.12.1	32.000	3.200.000.000	Trần Thanh Thương
172	1061	PHAN THỊ GÁM	KP3, TT CÂN GIUỘC, CÂN GIUỘC, LONG AN	QT-2018.12.1	3.985	398.500.000	Trần Thanh Thương
173	182	HỒ THỊ DUNG	44/10 TÂN HUNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, HCM.	QT-2018.12.1	6.200	620.000.000	Trần Thanh Thương
174	846	VŨ THỊ THANH	T8, K4, YẾT KIỀU, HẠ LONG, QUẢNG NINH	QT-2018.12.1	10.467	1.046.700.000	Trần Thanh Thương
175	1128	VŨ THỊ THANG	30 Đồng Phước, Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa	QT-2018.12.1	2.982	298.200.000	Trần Thanh Thương
176	393	NGUYỄN TIẾN AN	157 TÔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAI-HÀ NỘI	QT-2018.12.1	5.758	575.800.000	Trần Thanh Thương
177	3594	VŨ VĂN HUÂN	SỐ 493E TRƯỞNG ĐỊNH, TÂN MAI, HOÀNG MAI, HÀ NỘI	ADC-2018.09.1	7.880	788.000.000	Nguyễn Đình Dương Lâm
178	6031	NGUYỄN VĂN TÝ	B3X1 NGÕ 17 HOÀNG NGỌC PHÁCH, LẮNG HẠ, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI	ADC-2018.09	2.896	289.600.000	Dương Văn Duy

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
179	12.658	NGUYỄN CÔNG TƯ	P6 A18 TT Thủy Lợi, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ADC-2019.01	1.932	193.200.000	Nguyễn Thị Miên
180	8263	PHẠM XUÂN BA	SỐ 20A10 ĐỒNG TÂM, P. LẠCH TRAY, Q. NGỘ QUYÊN, TP. HẢI PHÒNG	ADC-2018.09	1.980	198.000.000	Nguyễn Hoàng Lộ
181	10850	NGÔ THỊ TUYẾT TRINH	380/59 PHẠM VĂN CHIÊU, PHƯỜNG 9, Q GÒ VẤP, HCM	ADC-2019.01	1.970	197.000.000	Lưu Khánh Đường
182	9617	TRẦN THỊ THANH HỒNG	F6/6/1 LẠI HÙNG CƯỜNG, VĨNH LỘC B, BÌNH CHÁNH, TP.HCM	ADC-2019.01	4.875	487.500.000	Lưu Khánh Đường
183	9994	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Tổ 117, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng	ADC-2019.01	5.787	578.700.000	Lưu Khánh Đường
184	16	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 GÒ CÔNG, P13, Q5, TPHCM	SET.H2025	13.565	1.356.500.000	Trần Văn Hiếu
185	54	TRẦN THỊ TUỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	SET.H2025	43.195	4.319.500.000	Trần Văn Hiếu
186	104	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QUẬN 1, TP.HCM.	SET.H2025	6.156	615.600.000	Trần Văn Hiếu
187	597	NGUYỄN HỮU CHÍ	112 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH	SET.H2025	2.431	243.100.000	Trần Văn Hiếu
188	926	DƯƠNG HỮU TUẤN	SỐ 12 ĐƯỜNG HỒ TRUNG THÀNH, KHÓM 2, PHƯỜNG 7, TP CÀ MAU	SET.H2025	9.723	972.300.000	Trần Văn Hiếu

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH



Nguyễn Hữu Phước

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

Số: 2101 /QĐ-THADS

QUYẾT ĐỊNH
Thi hành án theo yêu cầu

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và khoản 2, 3, 4 Điều 54 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2025);

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 15 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 152/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Bản án số 259/2025/HS-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 504/2024/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 299/2025/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 310/2025/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 360/TATP.THVS ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 365/2025/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung số 451/2025/TB-TA ngày 12 tháng 6 năm 2025 cùng của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3699/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án số 10/QĐ-THADS ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 06/QĐ-THADS ngày 09 ngày 7 tháng 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án số 69 /QĐ-THADS ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét yêu cầu thi hành án của bà Trương Mỹ Lan, nơi đăng ký thường trú: 57 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Căn hộ 201, chung cư 127 Paster, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; đang chấp hành án tại Trại tạm giam T17 – Bộ Công an.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thi hành án đối với:

- Bà Trương Mỹ Lan, nơi đăng ký thường trú: 57 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Căn hộ 201, chung cư 127 Paster, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; đang chấp hành án tại Trại tạm giam T17 – Bộ Công an.

- Đương sự nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Các khoản phải thi hành:

Buộc bà Trương Mỹ Lan có trách nhiệm bồi hoàn số tiền cho đương sự nhận chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Phân công Tổ Chấp hành viên được thành lập theo Quyết định số 1294/QĐ-CTHADS ngày 16/6/2025 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập tổ Chấp hành viên tổ chức thi hành án vụ Trương Mỹ Lan và đồng phạm (giai đoạn 2) theo Bản án số 504/2024/HSST ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 259/2025/HS-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
 - VKSND TP. HCM;
 - Công Thông tin điện tử - Bộ Tư pháp;
 - Công Thông tin điện tử - Cục QLTHADS;
 - Trang TTĐT THADS TP.HCM;
 - Kế toán nghiệp vụ;
 - Lưu: VT, HSTHA (15b).
- (CHV Hữu Phước)

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Văn Hòa

DANH SÁCH ĐƯƠNG SỰ
(Kèm theo Quyết định về việc thi hành án theo yêu cầu số /QĐ-THADS ngày 18/2025 của THADS Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
1	13542	BÙI THỊ TÂN	45B NGUYỄN CHÍ THANH P GIANG VÕ Q BA ĐÌNH TP HÀ NỘI VN	PHẠM HỮU KỶ	45B NGUYỄN CHÍ THANH P GIANG VÕ Q BA ĐÌNH TP HÀ NỘI VN	ADC-2018.09	6.298	629.800.000	Phan Thị Hoa
2	14877	NGUYỄN THỊ BÔNG	183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	LÊ VĂN THANH TUẤN	183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	ADC-2018.09	1.948	194.800.000	Phan Thị Hoa
3	14.111	VŨ THỊ CHUNG	16 TĂNG BẠT HỒ P PHẠM ĐÌNH HỒ Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI	NGHIÊM VŨ HOÀNG ANH	16 TĂNG BẠT HỒ P PHẠM ĐÌNH HỒ Q HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI	ADC-2018.09	2.448	244.800.000	Phan Thị Hoa
4	5065	NGUYỄN THỊ TUYẾT THANH	5820 NGUYỄN THÀNH HÂN, ĐÀ NẴNG	NGUYỄN THU UYÊN	5820 NGUYỄN THÀNH HÂN, ĐÀ NẴNG	ADC-2018.09	4.660	466.000.000	Dương Văn Duy
5	5283	HUYỀN THỊ MINH	K27/4 THÁI PHIÊN, PHƯỚC NINH, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	PHAN THANH HẢI	K27/4 THÁI PHIÊN, PHƯỚC NINH, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	ADC-2018.09	10.424	1.042.400.000	Dương Văn Duy
6	5628	A MUỐI	59/16 THUẬN KIỆU, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ÔN QUANG	59/16 THUẬN KIỆU, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ADC-2018.09	4.882	488.200.000	Dương Văn Duy
7	5735	NGÔ QUANG THỰC	32/72 LÊ TỰ TÀI, PHƯỜNG 4, Q. PHÚ NHUẬN, TPHCM	NGÔ THUY LAN	18, ĐƯỜNG 2B, DVC/Q4, KP2, PHÚ MỸ, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ADC-2018.09	10.669	1.066.900.000	Dương Văn Duy
8	6955	HOÀNG THỊ BAN	412, A1 THÀNH CÔNG, BA ĐÌNH, HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN THÀNH	412, A1 THÀNH CÔNG, BA ĐÌNH, HÀ NỘI	ADC-2018.09	12.484	1.248.400.000	Dương Văn Duy
9	7221	VŨ ĐÌNH SINH	41 GÒ DẦU, P. TÂN QUÝ, Q. TÂN PHÚ, TP HCM	TRẦN THỊ HẢI	71/134/55 LIÊN KHU 5-6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HOÀ B, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	ADC-2018.09	3.915	391.500.000	Dương Văn Duy
10	6620	TRƯƠNG THỊ LỆ HÀ	SỐ 8/3847 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHONG	TẠ HỮU THANH	SỐ 8/3847 PHẠM HỮU ĐIỀU, NIỆM NGHĨA, LÊ CHÂN, HẢI PHONG	ADC-2018.09	8.661	866.100.000	Dương Văn Duy
11	2718	VŨ THỊ DIỆP TRANG	Tổ 79, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	HOÀNG MẠNH HẢI	163 Bui Công Trung, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	ADC-2018.09	3.820	382.000.000	Hoàng Văn Toàn
12	2865	NGUYỄN ĐỨC TÌNH	98/31 Y Wang, Phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	LÂM THỊ BÍCH LỆ	98/31 Y Wang, P. EaTam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	ADC-2018.09	2.943	294.300.000	Hoàng Văn Toàn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VNĐ)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
13	3544	NGUYỄN VŨ TIÊN	23/26 Quốc Lộ 1, Phường 4, TP. Tân An, Long An	NGUYỄN MINH THU	46 Trần Văn Chính, Phường 4, Tân An, Long An	ADC -2018.09	13.384	1.338.400.000	Hoàng Văn Toàn
14	3818	NGUYỄN TIÊN AN	157 Tô 28A đường Hoàng Mai, Hà Nội	NGUYỄN TIÊN SON	P104 -C6 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ADC -2018.09	1.984	198.400.000	Hoàng Văn Toàn
15	4008	MAI KHÁ LƯ	11 TT Chương Dương, Hoàn Kiến, Hà Nội	NGUYỄN THỊ HỒNG GÀM	11 TT Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ADC -2018.09	4.979	497.900.000	Hoàng Văn Toàn
16	4199	ĐÀO ANH ĐÀO	P401-C17, Thanh Xuân Bắc, TP. Hà Nội	TRẦN VĂN TÂM, TRẦN HÀ MY	P401-C17, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, TP. Hà Nội	ADC -2018.09	3.070	307.000.000	Hoàng Văn Toàn
17	4293	VŨ THÁI SON	25/9 Phan Văn Chí, Phường 3, Quận 6, TP Hồ Chí Minh	KHA TÚ XEM	33 Đường 204 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TPHCM	ADC -2018.09	3.366	336.600.000	Hoàng Văn Toàn
18	4386	TRẦN THỊ PHÚC THÀNH	105 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	NGUYỄN NGỌC HẠP	105 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	ADC -2018.09	21.150	2.115.000.000	Hoàng Văn Toàn
19	4410	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	210 Lê Duẩn, phường Đập Đá, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	NGUYỄN VŨ DŨNG	210 Lê Duẩn, phường Đập Đá, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định	ADC -2018.09	4.800	480.000.000	Hoàng Văn Toàn
20	4584	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	Tổ 19, Bình Lục, Tân Bình, Vĩnh Cựu, Đồng Nai	LƯƠNG TIÊN DŨNG	163/230, KP4, Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	ADC -2018.09	4.004	400.400.000	Hoàng Văn Toàn
21	4622	TRẦN THỊ MAI	141/30 Tiểu La, Hải Châu, Đà Nẵng	ĐOÀN NGỌC NHẬT	K141/30 Tiểu La, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng	ADC -2018.09	51.764	5.176.400.000	Hoàng Văn Toàn
22	4630	LÊ VĂN THOM	22 Ngõ Thị Liễu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	22 Ngõ Thị Liễu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng	ADC -2018.09	11.250	1.125.000.000	Hoàng Văn Toàn
23	7679	TRẦN THỊ BÍCH PHƯƠNG	417/95/75 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 10, QUẬN GÒ VẤP, TP. HCM	TRẦN QUÝ CHİ	23/4/3 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG 15, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HCM	ADC -2018.09	4.966	496.600.000	Nguyễn Hoàng Lộ
24	7692	TRẦN KẾ MINH	114/18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P.3, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HCM	LÃ THỊ TÚ TRINH	164 HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG 9, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HCM	ADC -2018.09	1.921	192.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
25	8226	TRẦN THANH THẢO	36 ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH AN, TP. THỦ ĐỨC, TP.HCM	- PHAN THỊ HỒNG HƯƠNG - TRẦN PHAN HƯƠNG GIANG - TRẦN PHAN BẢO CHÂU - TRẦN PHAN HƯƠNG THẢO - TRẦN THANH LỘC - TRẦN THANH QUỲNH CHI	195 BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG 01, QUẬN BÌNH THANH, TP. HCM. 195 BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG 01, QUẬN BÌNH THANH, TP.HCM. số 4731 ne 18th ter Fort lauderdale FI 33308-United States. số 11216 Hawks Fern Dr. Riverview, FL 33569-U.S.A. 24/6 ĐƯỜNG 4, KHU PHỐ 5, PHƯỜNG TRƯỞNG THO, TP. THỦ ĐỨC, TP. HCM. 24/6 ĐƯỜNG 4, KHU PHỐ 5, PHƯỜNG TRƯỞNG THO, TP. THỦ ĐỨC, TP. HCM	ADC 2018.09	3.887	388.700.000	Nguyễn Hoàng Lộ
26	8152	CHU VĂN TOÀN	PHỐ 9 QUẢNG THẮNG TP THANH HÓA	- LÊ THỊ THÚY - CHU LÊ HƯƠNG GIANG - CHU LÊ THU HÀ	492 HẢI THUẬN LÂN ỒNG, PHƯỜNG QUẢNG THẮNG, TP. THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA. Số 74 NGUYỄN TRUNG TRÚC, P. TÂN SƠN, TP. THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA. Số Lô 447 LK8 MBOH 121, PHƯỜNG ĐÔNG VỆ, TP. THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA.	ADC 2018.09	9.931	993.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ
27	8734	LÊ THỊ HỒNG TỶ	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VONG, ĐÔNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI	LÊ QUANG DUYỀN	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VONG, ĐÔNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, TP. HÀ NỘI	ADC 2018.09	5.644	564.400.000	Nguyễn Hoàng Lộ
28	9387	TRẦN ĐÌNH BÓNG	Số 33 ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THANH, TP. HCM, VIỆT NAM	CAO THÁI PHƯƠNG	Số 33 ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THANH, TP. HCM.	ADC 2018.09	2.701	270.100.000	Nguyễn Hoàng Lộ
29	9571	NGUYỄN THỊ HẠC	6/18 DIỆN HỒNG P.1 Q. BÌNH THANH TP. HỒ CHÍ MINH	- THƯƠNG THỊ KIM THOA - THƯƠNG THỊ NGỌC ANH - THƯƠNG XUÂN HÙNG	4N CỤ XÁ CỬU LONG, PHƯỜNG 22, QUẬN BÌNH THANH, TP. HCM. Số 2/1 NGUYỄN TRONG LÔI, PHƯỜNG 4, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM. Số 6/18 DIỆN HỒNG, PHƯỜNG 01, QUẬN BÌNH THANH, TP. HCM	ADC 2018.09	2.045	204.500.000	Nguyễn Hoàng Lộ
30	7813	ĐẶNG THỊ CÚC	68/15 HẸM 766 CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM	ĐẶNG QUỐC DUY	68/15 HẸM 766 CÁCH MẠNG THÁNG 8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HCM	ADC 2018.09	1.928	192.800.000	Nguyễn Hoàng Lộ

STT	STT theo PL Bà	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VNĐ)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
31	7610	CHÂU THÀNH TÍN	664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP. HCM	- LẠI THỊ LÊ - CHÂU THUY KHÁNH AN	664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP. HCM	ADC-2018.09	5.939	593.900.000	Nguyễn Hoàng Lô
32	8619	ĐÀNG THỊ LÝ	B1606 TẦNG 17 CHUNG CƯ 21 TẦNG, PHƯỜNG 7, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	NGUYỄN THỊ HUỖN	71B HUỖN TRẦN CÔNG CHỨA- PHƯỜNG 8, TP. VŨNG TÀU - BÀ RỊA VŨNG TÀU	ADC-2018.09	9.018	901.800.000	Nguyễn Hoàng Lô
33	8052	NGUYỄN ANH TUẤN	KHU D TẬP THỂ NGÂN HÀNG, NGŨ QUÂN THỎ 1 P HÀNG BÓT Q ĐÔNG ĐA TP HÀ NỘI	NGUYỄN ANH DŨNG	KHU D TT NGÂN HÀNG, HÀNG BÓT, ĐÔNG ĐA, HÀ NỘI	ADC-2018.09	3.472	347.200.000	Nguyễn Hoàng Lô
34	10423	LÊ THỊ HIỀN HẬU	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP. HCM	NGÔ VĨ DŨNG	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP. HCM	ADC-2018.09	1.957	195.700.000,00	Dương Ngọc Thảo
35	10636	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	SỐ 3 NGÁCH 31/34 PHỐ LÚA, P VẠN PHÚC, Q HÀ ĐÔNG, TP HÀ NỘI	TRẦN QUANG TÂN	NGO 31, PHỐ LÚA, TDP HÀNH PHÚC, PHƯỜNG VẠN PHÚC, Q HÀ ĐÔNG, TP HÀ NỘI	ADC-2018.09	3.539	353.900.000	Dương Ngọc Thảo
36	10968	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	79/1 LÊ HỒNG PHONG, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	THÁI ANH TUẤN	02/4 NGUYỄN MÃN, PHƯỜNG BÌNH ĐÌNH, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐÌNH	ADC-2018.09	4.791	479.100.000	Dương Ngọc Thảo
37	12193	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY	176 HÈM 6 TRẦN HƯNG ĐẠO, MỸ XUYỀN, TP. LONG XUYỀN, AN GIANG	LÀ HOÀNG NHƯ Ý	KHOM ĐÔNG AN 5, PHƯỜNG MỸ XUYỀN, TP. LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG	ADC-2018.09	1.950	195.000.000	Dương Ngọc Thảo
38	16415	NGUYỄN VĂN THẮNG	HƯNG MỸ, CÁT HƯNG, PHÚ CÁT, BÌNH ĐỊNH	HUỖN THỊ TRÂM	34/1 Quốc lộ 1A, P. Thới An, Q. 12, TP. HCM	ADC-2018.09	2.501	250.100.000	Ngô Minh Thuận
39	17242	NGUYỄN THỊ DANH	199/26 PHAN BỘI CHÂU, TRẦN HƯNG ĐẠO, QUÝ NHON, BÌNH ĐỊNH	TRẦN THỊ NGỌC NGÀ	136 Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09	2.778	277.800.000	Ngô Minh Thuận
40	15860	CAO THỊ KIỀU ANH	656 XA LỘ HÀ NỘI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, TP. HCM	TRẦN HUY CƯỜNG	656 Quốc lộ 52 (Vô Nguyên Giáp), phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09	5.781	578.100.000	Ngô Minh Thuận
41	16475	DIỆP THỊ BẠCH HUỆ	1116, THANH THUẬN P PHÚ THÚ Q CÀI RĂNG TP CẦN THƠ	PHẠM DIỆP ANH VŨ	116 khu vực Thanh Thuận, phường Phú Thù, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	ADC-2018.09	3.000	300.000.000	Ngô Minh Thuận
42	1741	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Xóm Trung Tiến, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh nghe An	NGUYỄN THỊ MINH	Xóm Trung Tiến, xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh nghệ An	ADC-2018.09	5.000	500.000.000	Nguyễn Quang Thái

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
43	784	NGUYỄN VĂN XƯƠNG	270 Bạch Mai, Cầu Dền, Hai bà Trung, Hà Nội	NGUYỄN MINH THỰC	270 Bạch Mai, Cầu Dền, Hai bà Trung, Hà Nội	ADC 2018.09	2.961	296.100.000	Nguyễn Quang Thái
44	2373	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	146/24 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	TRẦN CAO TU	65B4, khu phố 4, phố Khương, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	ADC 2018.09	8.458	845.800.000	Nguyễn Quang Thái
45	459	PHẠM THỊ HIỀN	9A8, Khu dân cư An Bình, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	106 Tổ 1B, KP12, An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	ADC 2018.09	4.324	432.400.000	Nguyễn Quang Thái
46	131	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 Gò Công, phường 13, Quận 5	ĐÀO THỊ HẠNH DUNG	120/10 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	4.910	491.000.000	Nguyễn Quang Thái
47	631	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu	LÊ VĂN CƠ	L1-11.09 Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên phủ, P22, Quận Bình Thạnh	ADC 2018.09	7.169	716.900.000	Nguyễn Quang Thái
48	733	NGUYỄN VIỆT THẮNG	18Bis/K Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN THỊ TÂM	190 Nguyễn Văn Hường, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	2000	200.000.000	Nguyễn Quang Thái
49	1148	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN THỊ HOA DUNG	139/1 Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	6498	649.800.000	Nguyễn Quang Thái
50	1249	LÊ ĐĂNG ĐÀNH	88 Hồ Bá Kiện, phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	BÙI HUY NHƯ PHƯỚC	88 Hồ Bá Kiện, phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	ADC 2018.09	5868	586.800.000	Nguyễn Quang Thái
51	1600	TRẦN QUANG DŨNG	149/15B Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN THỊ HỒNG	27/13 KP10, Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7	ADC-2018.09	4095	409.500.000	Nguyễn Quang Thái
52	1620	BÙI TÁ KÝ	441 Tôn Đức Thắng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	BÙI HỒNG LÊ	Số 51 khu Chung cư 80 Hạ Lý, phường Thương Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	ADC-2018.09	32113	3.211.300.000	Nguyễn Quang Thái
53	1701	TRẦN THỊ LAN ANH	Tổ 39, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	NGUYỄN NGỌC VINH	Tổ 39B, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC-2018.09	2775	275.500.000	Nguyễn Quang Thái
54	1746	PHẠM VĂN THÀNH	Số 56A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng	PHẠM HỒNG KHANH	234 TDC Sao Sáng, phường Thành Tổ, Hải An, hải phòng	ADC-2018.09	7002	700.200.000	Nguyễn Quang Thái
55	1981	HỒ THỊ DUNG	44/10 Tân Hưng, phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	CHÂU VĂN HÙNG	49A, tổ 13, Cụm 2, ngọc khánh, ba Đình, Hà Nội	ADC-2018.09	6662	666.200.000	Nguyễn Quang Thái
56	2315	BÙI THỊ OANH	58/2 Tam Bạc, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Thành phố Hải phòng	LÊ VĂN HIỀN	58/2 Tam Bạc, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Thành phố Hải phòng	ADC-2018.09	1946	194.600.000	Nguyễn Quang Thái

STT	STT theo PL Ba	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người (thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP mầm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
57	580	TRẦN LÊ ĐỒNG	81/22 Thủy Văn, phường 2, Tp. Vũng Tàu	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	121/6 Đỗ Chiểu, phường 3, Tp. Vũng Tàu	ADC-2018.09	4000	400.000.000	Nguyễn Quang Thái
58	503	NGUYỄN GIANG	Số 11, ngõ 46, Quan Nhân, trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	NGUYỄN NHƯ THIÊN NGUYỄN	Số 11, ngõ 46, Quan Nhân, trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ADC-2018.09	7930	793.000.000	Nguyễn Quang Thái
59	452	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	15/5 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Ngự, Quận 1	NGUYỄN THẢO ANH	15/5 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Ngự, Quận 1	ADC-2018.09	8.892	889.200.000	Nguyễn Quang Thái
60	87	TÀ THỊ KIM THANH	Số 80 Trần Phú, phường 4, Quận 5	NGUYỄN MINH GIANG	Số 80 Trần Phú, phường 4, Quận 5	ADC-2018.09	10.000	1.000.000.000	Nguyễn Quang Thái
61	240	LÝ PHƯỚC SANH	518/B34, Lô B, Tầng 4, Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, TP HCM	LÝ THIỀU ANH	518/B34, Lô B, Tầng 4, Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, TP HCM	ADC-2018.09	1.990	199.000.000	Nguyễn Quang Thái
62	1376	NGUYỄN THỊ HOAN	Số 11B phố Đa Nặng, Ngõ Quyển, Hải phòng	PHẠM TUẤN ANH	Số 11B phố Đa Nặng, Ngõ Quyển, Hải phòng	ADC-2018.09	9.710	971.000.000	Nguyễn Quang Thái
63	1001	ĐOÀN XUÂN TRÚC	136 C4 tổ 10 Nguyễn Trãi, Thương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐOÀN MINH ĐỨC	136 C4 tổ 10 Nguyễn Trãi, Thương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC-2018.09	1.965	196.500.000	Nguyễn Quang Thái
64	11.428	LÊ THỊ MẪU	33-G4 KHU TTTM, PHƯỜNG 7, VÙNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	33-G4 KHU TTTM, PHƯỜNG 7, VÙNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	ADC-2019.01	2.460	246.000.000	Nguyễn Thị Miên
65	11.436	VÕ THỊ NHẬT PHƯƠNG	123 ĐỒ NGOC THANH PHƯỜNG 12 QUẬN 5 TPHCM	TRIỆU THỨA HÀO	157/58/2 Mai Xuan Thuang, Phuong 4, Quan 6, TP HCM	ADC-2019.01	9.685	968.500.000	Nguyễn Thị Miên
66	11.467	ÂU HÀ NỮ	168/33 TÂN THÀNH, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, HCM	NGUYỄN VĂN TÂM (TRẦN NGUY)	168/33 TÂN THÀNH, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, HCM	ADC-2019.01	7.687	768.700.000	Nguyễn Thị Miên
67	12.034	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	2/36 CAO THĂNG, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TPHCM	BÙI ĐỨC TRĂNG	2/36 CAO THĂNG, PHƯỜNG 5, QUẬN 3, TPHCM	ADC-2019.01	9.670	967.000.000	Nguyễn Thị Miên
68	12.703	VĨNH LONG	K9/1 PHAN THANH, P THÁC GIẢN, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	TỔ 19, P THÁC GIẢN, Q THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG	ADC-2019.01	1.941	194.100.000	Nguyễn Thị Miên
69	12405	DƯƠNG THỊ NAM HÀ	4/1 Đường số 3, Phường 5, Gò Vấp, TP HCM	TRẦN HÀ TRUNG	118 Lô A, Chung cư 43 Hồ Văn Huê, Phường 9, quận Phú Nhuận	ADC-2019.01	4.834	483.400.000	Nguyễn Thị Miên
70	872147	NGUYỄN VĂN ANH	15 Dân Chủ, Khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	NGUYỄN QUỲNH ANH NGUYỄN MINH ANH	15 Dân Chủ, Khu phố 1, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	ADC-2019.01	4.834	483.400.000	Nguyễn Thị Miên

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người (lính) kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP năm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thưởng theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
71	874543	NGUYỄN THỊ BÔNG	183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	LÊ VĂN THANH TUẤN	183B/25/22 TÔN THẤT THUYẾT, PHƯỜNG 4 QUẬN 4 TP HCM	ADC-2019.01	1.984	198.400.000	Nguyễn Thị Miền
72	871116	PHÙNG THỊ ĐỨC	1A K1 N/M CK TRẦN HƯNG ĐẠO, ĐỒNG NHÂN, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	PHAN HỒNG HƯƠNG	28/17/22 Thanh Đàm, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ADC-2019.01	2.187	218.700.000	Nguyễn Thị Miền
73	85	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 GỖ CÔNG, P13, Q5, TPHCM	ĐÀO THỊ HẠNH DUNG	120/10 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	ADC-2019.01	23.661	2.366.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
74	140	LÝ PHƯỚC SANH	B34 LÔ B, T.4 BẾN CHUÔNG DUYNG, P.CẦU KHO, Q1, TP HCM	DƯƠNG THỊ ĐÔNG	19/5, khóm 1, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	ADC-2019.01	6.000	600.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
75	142	PHẠM THỊ BẠCH PHƯƠNG	131/3 TÔN ĐẢN P14 Q4 HCM	LÊ PHẠM KIM TRANG	207/2 Nguyễn Văn Khối, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	ADC-2019.01	3.100	310.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
76	369	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	LÊ VĂN CƠ	L1-11.09 Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TPHCM	ADC-2019.01	10.935	1.093.500.000	ĐẶNG SONG TOÀN
77	443	NGUYỄN VĂN XƯƠNG	207 BẠCH MAI, PHƯỜNG BẠCH MAI, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	NGUYỄN MINH THỰC	207 Bạch Mai, Cầu Dền, Hai Bà Trung, Hà Nội	ADC-2019.01	2.491	249.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
78	486	NGÔ THỊ THƠ	59 BẠCH ĐĂNG, NHÀ TRANG	BÙI NGÔ TƯỜNG VI	59 Bạch Đằng, p. Tân Tiến, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	ADC-2019.01	5.819	581.900.000	ĐẶNG SONG TOÀN
79	698	LÊ ĐĂNG ĐÁNH	88 HỒ BÀ KIẾN, P.15, Q.10, TP. HCM	BÙI HUY NHƯ PHÚC	88 Hồ Bà Kiến, P. 15, q.10, TP HCM	ADC-2019.01	3.910	391.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
80	724	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY	SỐ 7 PHỐ BÁT SỬ HÀ NỘI	PHẠM PHƯỚC TUẤN	SỐ 7 PHỐ BÁT SỬ HÀ NỘI	ADC-2019.01	2.871	287.100.000	ĐẶNG SONG TOÀN
81	934	BÙI TÁ KỶ	SỐ 441 TÔN ĐỨC THẮNG, HUYỆN AN DƯƠNG, TP.HAI PHÒNG.	BÙI HỒNG LÊ	số 51, khu chung cư 80 Hạ Lý, p. Thượng Lý, q. Hồng Bàng, Hải Phòng	ADC-2019.01	10.757	1.075.700.000	ĐẶNG SONG TOÀN
82	1006	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Phường Lê Lợi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	NGUYỄN THỊ MINH	Xóm Trung Tiến, xã Hưng Đông, (nay là khối Trung Tiến, phường Hưng Đông), TP. Vinh, Nghệ An	ADC-2019.01	29.000	2.900.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
83	1010	PHẠM VĂN THÀNH	SỐ 56A TRẦN PHÚ, NGÕ QUYÊN, HẢI PHÒNG	PHẠM HỒNG KHANH	234 TĐC Sao Sáng, tổ 16, p. Thành Tô, q. Hải An, Hải Phòng	ADC-2019.01	2.212	221.200.000	ĐẶNG SONG TOÀN
84	1352	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	63B4, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG PHÚ KHƯƠNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	TRẦN CAO TỬ	63B4, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG PHÚ KHƯƠNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	ADC-2019.01	5.650	565.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN

STT	STT theo PL Bà	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhưng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người (thực kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP năm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
85	1394	VŨ MAI TRĂNG	22 NGÁCH 2/1 VŨ THÀNH Ở CHỢ DỪA, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI	TRẦN VIỆT CƯỜNG	1903 Hai Tower, số 1 Ngụy Như Kon Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC-2019.01	12.823	1.282.300.000	ĐẶNG SONG TOÀN
86	1415	NGUYỄN THỊ HÀNH	83/27 TÒN ĐÀN P14 Q4 TP HCM	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	83/27 TÒN ĐÀN P14 Q4 TP HCM	ADC-2019.01	9.910	991.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
87	1631	NGUYỄN ĐỨC TÌNH	98/31 Y WANG, P. EA TAM, TP. BÙƠN MA THUỐT, ĐẮK LẮK	LÂM THỊ BÍCH LỆ	98/31 Y WANG, P. EA TAM, TP. BÙƠN MA THUỐT, ĐẮK LẮK	ADC-2019.01	1.970	197.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
88	1764	BÙI DUY MƯỜI	TỎ 8, KHU 8, HỒNG HẢI, HÀ LONG, QUẢNG NINH	ĐÀO THỊ HUỖN	TỎ 8, KHU 8, HỒNG HẢI, HÀ LONG, QUẢNG NINH	ADC-2019.01	8.706	870.600.000	ĐẶNG SONG TOÀN
89	1844	NGUYỄN THỊ BÍCH NHỊ	89A1, XÃ SƠN ĐỒNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	TRƯƠNG ANH TUẤN	89A1, XÃ SƠN ĐỒNG, TP. BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE	ADC-2019.01	4.784	478.400.000	ĐẶNG SONG TOÀN
90	1850	PHẠM THỊ THU HÀ	T.4, K.2A, HỒNG HẢI, HÀ LONG, QUẢNG NINH	VŨ QUỐC TUẤN	TỎ 4, Khu 2A, HỒNG HẢI, HÀ LONG, QUẢNG NINH	ADC-2019.01	11.930	1.193.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
91	1946	VƯƠNG HOÀNG NAM	Số 147, Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	VƯƠNG HOÀNG NHẬT PHƯƠNG	WT1-8-11 Wilton Tower, 71/3 Nguyễn Văn Thương, P. 25, quận Bình Thạnh, TP HCM	ADC-2019.01	5.000	500.000.000	ĐẶNG SONG TOÀN
92	2006	ĐẶNG KIM PHƯỢNG	2E/2 ĐƯỜNG 34 KHU DÂN CƯ BÌNH PHÚ, P10, Q6, TP HCM	NGUYỄN THANH GIANG	692 Hồng Bàng, p.1, Q.11, TP HCM	ADC-2019.01	5.776	577.600.000	ĐẶNG SONG TOÀN
93	5.802	LÊ THỊ BẢO	284/38 CỎ BẮC, PHƯỜNG CỎ GIANG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH	- LÊ XUÂN THĂNG - LÊ XUÂN BANG	284/38 CỎ BẮC, phường CỎ GIANG, Quận 1, TPHCM (Lê Xuân Thăng) - 214/9 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP HCM (Lê Xuân Bang)	ADC-2019.01	9.668	966.800.000	Vũ Quốc Hải Dương
94	5.831	LƯƠNG THỊ GÁI	122/4 QUANG TRUNG, P. THẠCH THANG, Q. HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	NGUYỄN THÊ PHÚ	122/4 Quang Trung, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng	ADC-2019.01	2.142	214.200.000	Vũ Quốc Hải Dương
95	6.053	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	TỎ 15, KHU 1, P BẠCH ĐĂNG, TP HÀ LONG, T QUẢNG NINH	ĐINH THỊ HUỖN TRANG	TỎ 94, Khu 6, Bạch Đằng, Hà Long, Quảng Ninh	ADC-2019.01	11.135	1.113.500.000	Vũ Quốc Hải Dương
96	6.469	TRẦN NGỌC	350 HAI BÀ TRUNG, PHƯỜNG TÂN ĐỊNH, QUẬN 1, TPHCM	TRẦN THANH PHỤNG	350 Hai Bà Trưng, Tân Định, Quận 1, TPHCM	ADC-2019.01	4.755	475.500.000	Vũ Quốc Hải Dương
97	6.649	MAI THỊ THO	30B/122 ĐÌNH ĐỒNG, ĐỒNG HẢI, LÊ CHÂN, HẢI PHÒNG	- LÊ PHƯƠNG NHỊ - TRINH QUANG THÀNH	- 152 Kiều Hạ, Hà Đoàn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (Lê Phương Nhị) - 38/122 Bình Đông, Đông Hải, Lê Chân, hải Phòng (Trinh Quang Thành)	ADC-2019.01	2.389	238.900.000	Vũ Quốc Hải Dương

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
98	7.039	NGUYỄN BÁ NHÂN	7/12 NGUYỄN VĂN BÉ, P.1, TP VĨNH LONG	NGUYỄN THỊ MINH	7/12 Nguyễn Văn Bé, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	ADC-2019.01	3.575	357.500.000	Vũ Quốc Hải Đường
99	6.934	ĐẶNG THỊ CÚC	68/15 HẸM 766 CÁCH MANG THÁNG 8, PHƯỜNG 5, QUẬN TÂN BÌNH, TP HCM	ĐẶNG QUỐC DUY	68/15 hẻm 766 CMT8, phường 5, quận Tân Bình, TPHCM	ADC-2019.01	2.003	200.300.000	Vũ Quốc Hải Đường
100	7501	LÊ THỊ HỒNG TỶ	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VỘNG, ĐÔNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	LÊ QUANG DUYẾN	116/E6 NGÕ 259 PHỐ VỘNG, ĐÔNG TÂM, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	ADC 2019.01	5.924	592.400.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
101	8246	TRƯƠNG THỊ DIỄM	K183/24 TÔ HIỆU - P HOÀ MINH - Q LIÊN CHIÊU - ĐÀ NẴNG	TRƯƠNG ĐÌNH DIỆN	HÀM NINH - QUẢNG NINH - QUẢNG BÌNH	ADC 2019.01	2.464	246.400.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
102	8825	PHẠM THỊ CÚC	TỔ 1, KHU 5, HỒNG HẢI, HÀ LONG, QUẢNG NINH	NGUYỄN MINH NGUYỄN	SỐ NHÀ 43, NGÕ 11, ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỨ, TÔ 1, KHU PHỐ 3, PHƯỜNG HỒNG HẢI TP HÀ LONG, QUẢNG NINH	ADC 2019.01	4.428	442.800.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
103	9066	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	13 VI BA, PHƯỜNG 1, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU.	TỬ VĂN HÙNG	26 LÊ NGỌC HÂN, PHƯỜNG 1, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ADC 2019.01	7.060	706.000.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
104	9273	NGUYỄN VĂN TUYẾT	P603 TẦNG 6 HOÀNG CẦU, Ở CHỢ DỪA, ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	P603 NHÀ CVQH Ở CHỢ DỪA, ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI	ADC 2019.01	5.972	597.200.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
105	7418	ĐẶNG THỊ LÝ	B1606 TẦNG 17 CHUNG CỨ 21 TẦNG, PHƯỜNG 7, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU	NGUYỄN THỊ HUỖN	718 HUỖN TRẦN CÔNG CHÚA, PHƯỜNG 8, TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ADC 2019.01	6.668	666.800.000	Nguyễn Hoàng Hành Thảo
106	6717	CHÁU THÀNH TÍN	664/76 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P3, QUẬN 3, TP. HCM	- LAI THỊ LÊ - CHÁU THUY KHÁNH AN	- 664/76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận 3, TP.HCM - 664/76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận 3, TP.HCM	ADC - 2019.01	13.851	1.385.100.000	Vũ Quốc Hải Đường
107	9934	PHAN THỊ HÀ	22/9 BÌNH DƯƠNG 2, P AN BÌNH, TP DĨ AN, BÌNH DUƠNG	LÊ THỊ NHAN	106 LÊ VĂN TÁCH, PHƯỜNG DĨ AN (PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ DĨ AN, BÌNH DƯƠNG CŨ), TP HỒ CHÍ MINH	ADC - 2019.01	2.995	299.500.000	Lưu Khanh Đường
108	9374	VÕ THỊ OANH	26 BIỆT THỰ, P LỘC THO, TP NHA TRANG, TỈNH KHANH HÒA	PHẠM ENGA	15 TRẦN VĂN ON, PHƯỜNG LỘC THO, TP NHA TRANG, TỈNH KHANH HÒA	ADC - 2019.01	2.970	297.000.000	LƯU KHÁNH ĐƯỜNG
109	4172	NGUYỄN THỊ HIỆU	5 ngách 191A/38 Đại La, Hai Bà Trung, Hà Nội	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	5 ngách 191A/38 Đại La, Hai Bà Trung, Hà Nội	ADC-2019.01	2.288	228800000	Nguyễn Như Hà
110	4392	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	Tổ 19, Bình Lục, Tân bình, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	LUONG TIEN DUNG	163/230, KP4, Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	ADC-2019.01	7.878	787800000	Nguyễn Như Hà

STT	STT theo PL Bà	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
111	4409	TRƯƠNG VĂN CUNG	11/6/B3 Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	TRƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG	11/6/B3 Châu Thới, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	ADC-2019.01	1.981	198100000	Nguyễn Như Hà
112	4440	TRẦN THỊ MAI	Tổ 38, Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	ĐOÀN NGỌC NHẬT	K14/30 Tiểu La, Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	ADC-2019.01	6.045	604500000	Nguyễn Như Hà
113	4243	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	2/11 KP Thăng Lợi 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, Bình Dương	LÊ THỊ HỒNG NHÌ	Tổ 17, ấp Mới 1, Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An	ADC-2019.01	1.987	198700000	Nguyễn Như Hà
114	5037	NGÔ QUANG THỰC	Phường 04, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	NGÔ THUY LAN	số 18 đường 2B, DVC/Q4, KP2, Phú Mỹ, Quận 7, Hồ Chí Minh	ADC-2019.01	2.908	290800000	Nguyễn Như Hà
115	2712	LÝ NĂNG MÃN	18 TRẦN QUANG ĐIỀU - PHƯỜNG AN HẢI TÂY - QUẬN SƠN TRÁ - ĐÀ NẴNG	NGUYỄN THỊ SONG PHƯỢNG	Tổ 45, Phường Tam Thuận, Thành Khê, Đà Nẵng	ADC 2019.01	2.280	228.000.000	Trần Ngọc Lan
116	2208	LÊ VĂN SANG	604 NGUYỄN SINH SẮC, AN HÒA, TP. SÀ ĐÉC, ĐỒNG THÁP	TRẦN THỊ MỸ LINH	604 NGUYỄN SINH SẮC, AN HÒA, TP. SÀ ĐÉC, ĐỒNG THÁP	ADC 2019.01	1.999	199.900.000	Trần Ngọc Lan
117	2503	TRẦN MINH SƠN	TỔ 10 VĨNH HƯNG-HOÀNG MẠI-HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ MAI	55 Lương Khánh Thiện, Ngõ Quyền, Hải Phòng	ADC 2019.01	8.393	839.300.000	Trần Ngọc Lan
118	8825	MẠI KHẢ LƯU	TẬP THỂ 11, CHƯÔNG DƯƠNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ HỒNG GÀM	TẬP THỂ 11, CHƯÔNG DƯƠNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	ADC 2019.01	4.971	497.100.000	Trần Ngọc Lan
119	4042	GIANG MINH TUỜNG	385/83/18 LÊ VĂN THỌ, PHƯỜNG 9, QUẬN CỎ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH	GIANG NGUYỄN NGUYỄN KHÔI	220/36/8 Nguyễn Văn Khôi, P8, Gò Vấp, HCM	ADC 2019.01	5.833	583.300.000	Trần Ngọc Lan
120	3349	LÊ VĂN CHÈN	TỔ 13, ẤP HƯNG THẠNH, ĐÀO HỮU CÀNH, CHÂU PHÚ , AN GIANG	LÊ LONG HỒ	TỔ 13, ẤP HƯNG THẠNH, ĐÀO HỮU CÀNH, CHÂU PHÚ, AN GIANG	ADC 2019.01	7.757	775.700.000	Trần Ngọc Lan
121	3971	VŨ THÁI SƠN	255/9 PHẠM VĂN CHẾ PHƯỜNG 3 QUẬN 6 TP HCM	KHA THỊ TÚ XEM	33 Đường 204 Cao Lỗ, P4, Quận 8	ADC 2019.01	2.598	259.800.000	Trần Ngọc Lan
122	3371	VŨ THỊ MỸ	SỐ 3 NGUYỄN ẨM QUỐC, P. TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	PHAN THANH TUẤN	SỐ 3 NGUYỄN ẨM QUỐC, P. TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	ADC 2019.01	75.160	7.516.000.000	Trần Ngọc Lan
123	2802	NGUYỄN VŨ TIÊN	233/26 QUỐC LỘ 1, PHƯỜNG 4, TP TÂN AN, LONG AN	NGUYỄN MINH THƯ	46 TRẦN VĂN CHINH, PHƯỜNG 4, TP TÂN AN, LONG AN	ADC 2019.01	11.522	1.152.200.000	Trần Ngọc Lan
124	2984	LÂM NGỌC THUY	38/6B TRUNG LÂN, BÀ ĐIỂM, HỐC MÔN, TP HCM	TRẦN LÂM THÔNG	38/6B TRUNG LÂN, BÀ ĐIỂM, HỐC MÔN, TP HCM	ADC 2019.01	2.787	278.700.000	Trần Ngọc Lan

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thưởng theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
125	2340	VÕ ĐÌNH ĐỆ	400 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 04 QUẬN 5 TP HCM	VÕ QUỲNH NHƯ	400 AN DƯƠNG VƯƠNG PHƯỜNG 04 QUẬN 5 TP HCM	ADC 2019.01	1.995	199.500.000	Trần Ngọc Lan
126	3257	NGUYỄN TIẾN AN	157 TỐ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MAL-HÀ NỘI	NGUYỄN TIẾN SON	P104-C6 Ngã Tán, Cầu Giấy, Hà Nội	ADC 2019.01	1.980	198.000.000	Trần Ngọc Lan
127	3159	NGUYỄN VĂN THUẬN	THÔN QUÝ DƯƠNG, XÃ TÂN TRƯỜNG, HUYỆN CẨM GIANG, HẢI DƯƠNG	ĐỖ THỊ MƠ	THÔN QUÝ DƯƠNG, XÃ TÂN TRƯỜNG, HUYỆN CẨM GIANG, HẢI DƯƠNG	ADC 2019.01	1.984	198.400.000	Trần Ngọc Lan
128	3905	ĐÀO ANH ĐÀO	P401 C17 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TRẦN VĂN TÂM TRẦN HÀ MỸ	P401 C17 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ADC 2019.01	1.948	194.800.000	Trần Ngọc Lan
129	3425	NGUYỄN THỊ HẢO	131 T361, VĨNH TUY, HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI	TRẦN NGUYỄN HẢI	30 Ngõ 4 Kim Đồng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	ADC 2019.01	4.984	498.400.000	Trần Ngọc Lan
130	3937	NGUYỄN THỊ MÃO	SỐ 28B KHU A NGÕ 109 TRƯỜNG CHÍNH - PHƯỜNG LIẾT - THANH XUÂN - HÀ NỘI	PHẠM THÀNH ĐÔNG	SỐ 28B KHU A NGÕ 109 TRƯỜNG CHÍNH - PHƯỜNG LIẾT - THANH XUÂN - HÀ NỘI	ADC 2019.01	9.002	900.200.000	Trần Ngọc Lan
131	13673	PHƯƠNG HOÀNG NGHĨA	74 NGUYỄN BIỂU, P.01, Q. 5, TPHCM	LÊ TUYẾT TRÂM	74 NGUYỄN BIỂU, PHƯỜNG 1, QUẬN 5, TPHCM	ADC-2019.01	4.790	479.000.000	Nguyễn Hữu Phước
132	13810	NGUYỄN THỊ SON QUỲNH	TỔ 25, K3, PHƯỜNG 6, TP CAO LÃNH T ĐÔNG THÁP VIỆT NAM	NGUYỄN BẢNG SON	SỐ 14 TÔN THẤT TÙNG, TỔ 11, KHÔM 1, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐÔNG THÁP	ADC-2019.01	3.827	382.700.000	Nguyễn Hữu Phước
133	14265	HÀ VĂN ĐƯỜNG	ẤP AN QUỐI, XÃ QUỐI AN, H VĨNH LIÊM, T VĨNH LONG	HÀ THỊ THÚY TRANG	ẤP DANH TÂM, HẬU LỘC, TAM BÌNH, VĨNH LONG	ADC-2019.01	5.985	598.500.000	Nguyễn Hữu Phước
134	14342	CAO THỊ KIỆU ANH	656 XA LỘ HÀ NỘI, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B. TP THỦ ĐỨC, TPHCM	TRẦN HUY CƯỜNG	656 Quốc lộ 52 (Võ Nguyên Giáp), PHƯỜNG PHƯỚC LONG B, TP THỦ ĐỨC, TPHCM	ADC-2019.01	3.973	397.300.000	Nguyễn Hữu Phước
135	15201	VÕ ĐÌNH TRỰC	KV3, P.NHƠN BÌNH, TP QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	PHẠM THỊ LỄ	KV3, P.NHƠN BÌNH, TP QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	ADC-2019.01	1.971	197.100.000	Nguyễn Hữu Phước
136	342	PHẠM VĂN THÀNH	Số 56A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng	PHẠM HỒNG KHANH	234 TĐC Sao Sáng, Tổ 16, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng	ADC-2018.09.1	2.516	251.600.000	Nguyễn Thị Lương
137	417	TRẦN BẢO NINH	97 Nguyễn Khuyến, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chi Minh	NGUYỄN KIM CHÁU	160 Trương Sa, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	5.923	592.300.000	Nguyễn Thị Lương



STT	STT theo PL Bà	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
138	475	BÙI THỊ OANH	Số 58, Gác 2, Tam Bạc, Hải Phòng	LÊ VĂN HIỀN	Số 58/2 Tam Bạc, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	ADC-2018.09.1	4.953	495.300.000	Nguyễn Thị Lương
139	520	NGUYỄN THỊ HANH	83/27 Tôn Dàn, Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	83/27 Tôn Dàn, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	24.735	2.473.500.000	Nguyễn Thị Lương
140	788	TRẦN MINH SƠN	Tổ 10 Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội	NGUYỄN THỊ MAI	Số 55 Lương Khánh Thiện, Ngõ Quyển, Hải Phòng	ADC-2018.09.1	4.305	430.500.000	Nguyễn Thị Lương
141	964	LÊ VĂN CHÉN	Tổ 13, ấp Hưng Thạnh, Đào Hưu Cảnh, Châu Phú, An Giang	LÊ LONG HỒ	Ấp Hưng Thạnh, Đào Hưu Cảnh, Châu Phú, An Giang	ADC-2018.09.1	3.954	395.400.000	Nguyễn Thị Lương
142	1087	NGUYỄN THỊ MÃO	283 Khu A ngõ 109 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	PHẠM THÀNH ĐÔNG	283 Khu A ngõ 109 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	ADC-2018.09.1	1.970	197.000.000	Nguyễn Thị Lương
143	1172	TRẦN THỊ MAI	141/30 Tiểu La, Hải Châu, Đà Nẵng	ĐOÀN NGỌC NHẬT	141/30 Tiểu La, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng	ADC-2018.09.1	4.095	409.500.000	Nguyễn Thị Lương
144	2123	LÊ TIẾN SƠN	Phường Dập Dã, Thị Xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	PHAN THỊ THANH PHƯƠNG	12/22 Trần Quang Diệu, Phường Dập Dã, Thị Xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	SET. H2025	1.930	193.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
145	1884	NGUYỄN VĂN ANH	15 Dân Chủ 1, KP1, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN QUỲNH ANH NGUYỄN MINH ANH	15 Dân Chủ 1, KP1, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	15.614	1.561.400.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
146	2112	DƯƠNG MẠNH DŨNG	Khu Hồ Ngọc Lân, Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	DƯƠNG MẠNH DUY	Khu Hồ Ngọc Lân, Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	SET. H2025	3.860	386.000.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
147	1547	ĐÀO HUY ĐÓN	449 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN KIM HIỀN	449 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	6.653	665.500.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
148	1637	TRẦN THỊ VĂN	65/20 Trần Văn Dục, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	NGUYỄN THÁI BÌNH	65/20 Trần Văn Dục, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	SET. H2025	15.104	1.510.400.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
149	1448	KIỀU THỊ MAI	Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	VÕ VĂN NAM VÕ KIỀU MINH HIẾU	64 Trình Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	SET. H2025	4.889	488.900.000	Nguyễn Thị Thanh Hồng
150	1.709	ĐOÀN THỊ CHÂM	TDP TÂN XUÂN 3 - XUÂN ĐÌNH - BẮC TỨ LIÊM - HÀ NỘI	LÊ THỊ TRÚC QUỲNH	Tổ 1, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	QT-2018.12.1	4.756	475.600.000	Thái Xuân Sơn
151	2.450	HÀ VĂN ĐƯỜNG	ẤP AN QUỚI, XÃ QUỚI AN, H VÙNG LIÊM, T VINH LONG	HÀ THỊ THUY TRANG	ấp Danh Tầm, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	QT-2018.12.1	11.920	1.192.000.000	Thái Xuân Sơn

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người (hừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
152	1.383	NGUYỄN VĂN THẾ	THỊ CẦU - BẮC NINH - BẮC NINH	NGÔ THỊ THU GIANG	76A đường Trần Lưu, Thị Cầu, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	QT-2018.12.1	1.945	194.500.000	Thái Xuân Sơn
153	2.194	NGUYỄN VĂN LIÊN	465/40 NGUYỄN VĂN CÔNG PHƯỜNG 3 Q GÒ VẤP TPHCM	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	465/38 Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp	QT-2018.12.1	4.778	477.800.000	Thái Xuân Sơn
154	2500	TRẦN KẾ MINH	114/18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P.3, Q.PHÚ NHUẬN, TP.HCM	LÀ THỊ TÚ TRINH	164 Hoàng Văn Thu, Phường 9 quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	3.934	393.400.000	Nguyễn Huỳnh Như
155	2836	NGUYỄN QUỐC TRUNG	48 YẾN THẾ, PHƯỜNG 2 QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	687/60/9/24 Lạc Long Quân, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2018.09.1	1.998	199.800.000	Nguyễn Huỳnh Như
156	3007	PHẠM THỊ NGUYỆT	SỐ 7/42 ĐIỆN BIÊN PHỦ, MINH KHAI, HỒNG BANG, HẢI PHÒNG	TRẦN MINH NGOC	8/57 Điện Biên Phủ phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	ADC-2018.09.1	4.445	444.500.000	Nguyễn Huỳnh Như
157	3379	LÊ THỊ HIỀN HẬU	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP.HCM	NGÔ VI DŨNG	543/48 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG 2, QUẬN 3, TP.HCM	ADC-2018.09.1	2.996	299.600.000	Nguyễn Huỳnh Như
158	2495	VÕ THỊ THANG	30 ĐỒNG PHƯỚC PHƯỚC LONG NHÀ TRANG KHÁNH HÓA	HUỲNH TRUNG KHÁNH	30 ĐỒNG PHƯỚC PHƯỚC LONG NHA TRANG KHÁNH HÓA	ADC-2018.09.1	3.906	390.600.000	Nguyễn Huỳnh Như
159	63	NGUYỄN VIỆT THẮNG	169 Lương Đình Của, KP 3, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, TP.HCM	NGUYỄN THỊ TÂM	18Bis/K Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	QT-2018.12.1	14.432	1.443.200.000	Trần Thanh Thương
160	104	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 Cống Quỳnh, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	NGUYỄN THỊ HOA DUNG	139/1 Cống Quỳnh, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	QT-2018.12.1	2.902	290.200.000	Trần Thanh Thương
161	28	PHẠM THỊ BẠCH PHƯƠNG	131/3 TÔN ĐẢN P14 Q4 HCM	LÊ PHẠM KIM TRANG, LÊ PHẠM MINH THU	207/2 Nguyễn Văn Khôi, phường 8, quận Gò Vấp, TP.HCM	QT-2018.12.1	2.756	275.600.000	Trần Thanh Thương
162	448	MAI KHÁ LƯ	TẬP THỂ 11, CHUÔNG DƯƠNG, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM	11 TT Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	QT-2018.12.1	9.813	981.300.000	Trần Thanh Thương
163	317	HỒ TÁN PHƯƠNG	THÔN CẨM VĂN TÂY, XÃ ĐIỆN HỒNG, TX ĐIỆN BÀN, T QUẢNG NAM	NGUYỄN THỊ MỸ	Thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	QT-2018.12.1	3.936	393.600.000	Trần Thanh Thương
164	447	LÊ VĂN BA	XUÂN BẮC, PHƯỜNG HƯNG DŨNG, TP VINH, NGHỆ AN	NGUYỄN THỊ LAN	Khởi Xuân Bắc, phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	QT-2018.12.1	5.583	558.300.000	Trần Thanh Thương
165	541	LÊ VĂN THƠM	22 NGÔ THỊ LIỄU - P HÒA CƯỜNG BẮC - Q HẢI CHÂU - ĐÀ NẴNG	NGUYỄN THỊ NGOC PHƯƠNG	22 Ngô Thị Liễu, Hòa Cường Bắc, Hải Châu, Đà Nẵng	QT-2018.12.1	1.963	196.300.000	Trần Thanh Thương

STT	STT theo PL Bà	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIỆN PHỤ TRÁCH
166	539	TRẦN THỊ MAI	141/30 TIÊU LA, HẢI CHÂU, ĐÀ NẴNG	ĐOÀN NGỌC NHẬT □	K14/30 Tiêu La, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng	QT-2018.12.1	6.954	695.400.000	Trần Thanh Thương
167	974	TRẦN THỊ NHUNG	398 Đường Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	NGUYỄN VĂN TỰ	398 Đường Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng	QT-2018.12.1	13.106	1.310.600.000	Trần Thanh Thương
168	148	BÙI TÀI KỶ	441 Tôn Đức Thắng, An Dương, Hải Phòng	BÙI HỒNG LÊ	51 khu chung cư 80 Hà Lý, phường Thương Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	QT-2018.12.1	5.500	550.000.000	Trần Thanh Thương
169	788	VŨ ĐÌNH SINH	7/134/55 Liên Khu 5-6, KP 9, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP HCM	TRẦN THỊ HẢI	7/134/55 Liên Khu 5-6, KP 9, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP HCM	QT-2018.12.1	2.950	295.000.000	Trần Thanh Thương
170	1238	TRẦN THANH THẢO	36 ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH AN, QUẬN 2, TP HCM	- TRẦN PHAN HƯƠNG GIANG - TRẦN PHAN BẢO CHÂU - TRẦN PHAN HƯƠNG THẢO - PHAN THỊ HỒNG HƯƠNG - TRẦN THANH QUỲNH CHỊ - TRẦN THANH LỘC	36 ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH AN, QUẬN 2, TP HCM	QT-2018.12.1	29.358	2.935.800.000	Trần Thanh Thương
171	408	VŨ THỊ MỸ	SỐ 3 NGUYỄN ÁI QUỐC, P. TÂN PHONG, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI	PHAN THANH TUẤN	03 KP7 Tân Phong, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	QT-2018.12.1	32.000	3.200.000.000	Trần Thanh Thương
172	1061	PHAN THỊ GÀM	KP3, TT CẦN GIUỘC, CẦN GIUỘC, LONG AN	TRẦN HỮU TIẾN	Tổ 5, khu phố 3, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Long An	QT-2018.12.1	3.985	398.500.000	Trần Thanh Thương
173	182	HỒ THỊ DUNG	44/10 TÂN HƯNG, PHƯỜNG 12, QUẬN 5, HCM.	CHÂU VĂN HÙNG	49A tổ 13, Cùm 2, Ngoc Khánh, Ba Đinh, Hà Nội	QT-2018.12.1	6.200	620.000.000	Trần Thanh Thương
174	846	VŨ THỊ THANH	T8, K4 YẾT KIỆM, HÀ LONG, QUẢNG NINH	NGÔ THỊ CHÂM	SN 01 Ngõ 81 Xuân La, Sơn La, Tây Hồ, Hà Nội	QT-2018.12.1	10.467	1.046.700.000	Trần Thanh Thương
175	1128	VŨ THỊ THANG	30 Đồng Phước, Phước Long, Nhà Trang, Khánh Hòa	HUYỀN TRUNG KHÁNH	30 Đồng Phước, Phước Long, Nhà Trang, Khánh Hòa	QT-2018.12.1	2.982	298.200.000	Trần Thanh Thương
176	393	NGUYỄN TIẾN AN	157 TÔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MẠI-HÀ NỘI	NGUYỄN TIẾN SON	157 TÔ 28 A ĐƯỜNG HOÀNG MẠI-HÀ NỘI	QT-2018.12.1	5.758	575.800.000	Trần Thanh Thương
177	3594	VŨ VĂN HUÂN	SỐ 493E TRƯỜNG ĐÌNH, TÂN MẠI, HOÀNG MẠI, HÀ NỘI	- VŨ HUYỀN TRANG - NGUYỄN THỊ MẠI - VŨ KHÁNH HUYỀN - VŨ TRUNG KIẾN	493E Trường Đình, phường Tân Mại, quận Hoàng Mai, Hà Nội	ADC-2018.09.1	7.880	788.000.000	Nguyễn Đình Dương Lâm
178	6031	NGUYỄN VĂN TÝ	B3X1 NGÕ 17 HOÀNG NGOC PHẠCH, LÁNG HẠ, ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI	NGUYỄN THỊ NGÂN	B3X1 NGÕ 17 HOÀNG NGOC PHẠCH, LÁNG HẠ, ĐÔNG ĐÀ, HÀ NỘI	ADC-2018.09	2.896	289.600.000	Dương Văn Duy

STT	STT theo PL BA	Họ và tên (Trái chủ đã chết hoặc chuyển nhượng, tặng cho)	Địa chỉ	Họ và tên người thừa kế (hoặc đại diện người thừa kế) hoặc nhận chuyển nhượng, tặng cho	Địa chỉ	Mã Trái phiếu	Số lượng TP nắm giữ (Trái phiếu)	Số tiền được bồi thường theo mệnh giá trái phiếu (VND)	CHẤP HÀNH VIÊN PHỤ TRÁCH
179	12.658	NGUYỄN CÔNG TỬ	P6 A18 TT Thủy Lợi, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	HÀ THỊ BÌNH	P6 A18 TT Thủy Lợi, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ADC-2019.01	1.932	193.200.000	Nguyễn Thị Miên
180	8263	PHẠM XUÂN BA	SỐ 20A10 ĐỒNG TÂM, P. LẠCH TRAY, Q. NGỘ QUYÊN, TP. HÀI PHÒNG	PHẠM XUÂN BÌNH	20 A10 ĐỒNG TÂM, PHƯỜNG LẠCH TRAY, QUẬN NGỘ QUYÊN, TP. HÀI PHÒNG	ADC 2018.09	1.980	198.000.000	Nguyễn Hoàng Lộ
181	10850	NGÔ THỊ TUYẾT TRINH	380/59 PHẠM VĂN CHIÊU, PHƯỜNG 9, Q. GÒ VẤP, HCM	NGÔ THỊ NGỌC LAN	368/7 NGUYỄN VĂN NGHỊ, PHƯỜNG 1, GÒ VẤP	ADC-2019.01	1.970	197.000.000	Lưu Khánh Đường
182	9617	TRẦN THỊ THANH HỒNG	F6/6/1 LẠI HÙNG CƯỜNG, VĨNH LỘC B, BÌNH CHÁNH, TP. HCM	- THÁI VÂN NGUYỄN - THÁI MINH DƯƠNG	65 Thạch Thị Thanh, phường Tân Đĩnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	ADC-2019.01	4.875	487.500.000	Lưu Khánh Đường
183	9994	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	Tổ 117, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng	NGUYỄN THỊ TỨ	Tổ 117, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng	ADC-2019.01	5.787	578.700.000	Lưu Khánh Đường
184	16	TRẦN THỊ PHƯỚC	131 GÒ CÔNG, P13, Q5, TPHCM	ĐÀO THỊ HẠNH DUNG	120/10 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	SET.H2025	13.565	1.356.500.000	Trần Văn Hiếu
185	54	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	100 Phước Hòa, Phước Bửu, Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	LÊ VĂN CƠ	L1-11.09 Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	SET.H2025	43.195	4.319.500.000	Trần Văn Hiếu
186	104	DƯƠNG SINH MẬU	139/1 CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN 1, TP. HCM.	NGUYỄN THỊ HOA DUNG	139/1 CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, QUẬN 1, TP. HCM	SET.H2025	6.156	615.600.000	Trần Văn Hiếu
187	597	NGUYỄN HỮU CHÍ	112 CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH	LÊ THỊ PHONG	112 CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH	SET.H2025	2.431	243.100.000	Trần Văn Hiếu
188	926	DƯƠNG HỮU TUẤN	SỐ 12 ĐƯỜNG HỒ TRUNG THÀNH, KHÓM 2, PHƯỜNG 7, TP CÀ MAU	HUỖNH HOA HƯƠNG	SỐ 12 ĐƯỜNG HỒ TRUNG THÀNH, KHÓM 2, PHƯỜNG 7, TP CÀ MAU	SET.H2025	9.723	972.300.000	Trần Văn Hiếu

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH



Nguyễn Hữu Phước



